

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2023
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN Đ B - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ích Rồng

Các Hội thẩm nhân D: Bà Lò Thị Thanh Bình và ông Giàng A Khá

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền Nhung – Thư ký Tòa án nhân D huyện Đ B - tỉnh Điện Biên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Đ B, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án D sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị K, **sinh năm 2003**.

Nơi cư trú: Bản N, xã TN, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Công D, **sinh năm 1993**.

Nơi cư trú: thôn Đ B 2, xã TA, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trung T chữa bệnh giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Điện Biên.(địa chỉ: C1, xã TN, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên) Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn **xin ly hôn** ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị K và anh Bùi Công D có đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện Đ B vào ngày 07/6/2022. Chị K và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị K, anh D chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn; do tính tình chị K và anh D không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau; anh D còn mắc nghiện ma túy. vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh D đang cai tại Trung T chữa bệnh giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Điện Biên; **chị K thấy** cuộc sống chung của

vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị K làm đơn đề nghị Tòa án nhân D huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị K được ly hôn với anh Bùi Công D.

-Về con chung: chị Lò Thị K và anh Bùi Công D có 01 con chung là cháu Lò Bùi Bảo T, sinh ngày 23/10/2018; hiện nay, anh D đang cai nghiện tại Trung T chữa bệnh giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Điện Biên nên chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lò Bùi Bảo T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Về tài sản: Tài sản chung, riêng, nợ phải trả; nợ lấy về; ruộng; nương của vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Bùi Công D trình bày: Anh D kết hôn với chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã TA; kết hôn trên tinh thần tự nguyện; trong quá trình chung sống vợ chồng, anh D mắc tệ nạn xã hội là nghiện ma túy nên ngày 25/10/2021, Tòa án nhân D huyện ĐB quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc; anh D thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn. Anh D nhất trí để chị K trực tiếp nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung và phân tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Công D cư trú tại thôn ĐB 2, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Chị K khởi kiện xin ly hôn anh D nên Tòa án nhân D huyện ĐB thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng D sự. Anh Bùi Công D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 228BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Lò Thị K và Anh Bùi Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2022 tại UBND xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn Chị K và anh D **phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống**. Mặc dù đã được gia đình 2 bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị K, anh D thường xuyên cãi nhau; không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó; mặt khác anh Bùi Công D đã mắc vào nghiện ma túy, hiện nay, anh Bùi Công D đang cai nghiện bắt buộc tại trung T chữa bệnh giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Điện Biên; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để chị K quay về đoàn tụ nhưng chị K một mực xin được ly hôn anh D. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K, cần giải quyết cho chị Lò Thị K được ly hôn anh Bùi Công D.

Anh Bùi Công D Không nhất trí ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị K và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác anh D mắc nghiện ma túy và Tòa án đã hòa

giải nhiều lần nhưng chị K một mực xin được ly hôn anh D nên không chấp nhận ý kiến của anh D.

[3] **Về con chung:** chị Lò Thị K và anh Bùi Công D có 01 con chung là cháu Lò Bùi Bảo T, sinh ngày 23/10/2018; chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lò Bùi Bảo T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh D cũng nhất trí để chị K nuôi con; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên cần giao cháu T cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị K và anh Bùi Công D không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ lấy về, nợ phải trả, ruộng, nương:

Chị K và anh D không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị K ly hôn anh Bùi Công D.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Bùi Bảo T, sinh ngày 23/10/2018 cho chị Lò Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh D có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ lấy về, nợ phải trả, ruộng, nương: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là

300.000 đồng theo biên lai số: 0005062 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án D sự huyện DB; Chị K đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THADS huyện DB;
- UBND xã TA, h. Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ích Rồng

